

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 177/2024/TLST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số: 97/2024/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Thái Thị T, sinh năm 1984; thường trú: Ấp E, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; thường trú: Xóm B, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Hà Nam, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH B; địa chỉ: Số G, Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lee You G, sinh năm 1959; chức vụ: Tổng giám đốc; là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/7/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 19-7-2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, bà Thái Thị T trình bày:

Bà làm công nhân từ năm 2003-2007 tại Công ty E, công việc là công nhân bộ phận cắt, làm việc toàn thời gian, ngoài ra không làm việc ở công ty nào khác. Trong quá trình làm việc ở Công ty E thì công ty có đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà. Sau khi nghỉ việc thì cơ quan bảo hiểm đã chốt sổ, chi trả tiền bảo hiểm một lần cho bà, sau đó bà ở nhà sinh con và không đi làm. Năm 2012 bà làm việc tại Công ty H1, sau đó chuyển qua Công ty P làm việc đến năm 2023 rồi nghỉ việc cho đến nay.

Khoảng năm 2006 trong thời gian bà làm việc tại Công ty E thì bà có người quen cùng quê ở chung dãy trọ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; thường trú: Xóm B, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Hà Nam. Bà H nói muốn đi làm việc tại công ty nhưng chưa đủ 18 tuổi nên không thể làm hồ sơ xin việc được, bà H hỏi mượn hồ sơ cá nhân gồm chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch của bà để nộp xin việc tại các công ty, bà đồng ý. Sau đó bà H lấy hồ sơ này xin việc tại Công ty TNHH B và được công ty ký hợp đồng lao động, nhận vào làm việc. Bà H làm việc tại Công ty TNHH B từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008, công việc làm là công nhân, sau đó tự nghỉ việc về quê, không làm thủ tục xin nghỉ việc.

Năm 2024 bà T đi làm thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian cho bà H mượn hồ sơ từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008.

Do trước đây thấy bà H hoàn cảnh khó khăn, bà cho mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Bà chỉ cho bà H mượn chứng minh để làm việc ở Công ty TNHH B thời gian từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008, ngoài ra không cho ai mượn thời gian nào khác.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đứng tên bà (do bà H ký) với Công ty TNHH B. Mục đích: để khôi phục đúng thông tin làm việc thực tế, có căn cứ liên hệ cơ quan bảo hiểm giảm trừ thời gian trùng bảo hiểm cho bà.

Bà chưa hưởng chế độ bảo hiểm của khoảng thời gian bà H tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH B. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa bà H và Công ty TNHH B đã chấm dứt, đối với các chế độ bảo hiểm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết sau khi Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng theo quy định, không yêu cầu Tòa án xem xét. Bà không có yêu cầu gì về chế độ bảo hiểm đối với thời gian bà H tham gia bảo hiểm dưới tên bà.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31-7-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là người cùng quê với bà Thái Thị T. Năm 2006 bà vào D để xin việc làm nhưng do chưa đủ 18 tuổi nên không thể nộp hồ sơ xin việc. Bà có mượn

chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch của chị Thái Thị T để xin việc tại Công ty TNHH B và được công ty ký hợp đồng lao động, nhận vào làm việc. Do đã lâu nên bà không nhớ ngày hợp đồng lao động, cũng không còn giữ bản hợp đồng nào. Bà làm công nhân tại Công ty này từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008, được công ty T2 đầy đủ. Từ tháng 7/2008 bà về quê lấy chồng nên bỏ việc, không làm thủ tục xin nghỉ việc, chưa nhận chế độ bảo hiểm xã hội.

Mục đích bà mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác.

Nay bà Thái Thị T yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữ bà T và Công ty TNHH B vô hiệu do bà mới là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp ở Công ty TNHH B thì bà đồng ý do hoàn toàn đúng với thực tế. Đề nghị Toà án giải quyết cho bà Thái Thị T để bà T được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định. Bà không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do bà cũng đã nghỉ việc ở Công ty, bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Quá trình tố tụng Toà án đã thông báo thụ lý, triệu tập người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH B có mặt tại Toà án nhân dân thành phố Dĩ An để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Thái Thị T, tham gia phiên họp giải quyết việc lao động, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH B vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại Bản tự khai ngày 31-7-2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T1 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH B cho người lao động thì Công ty TNHH B có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Thái Thị T, sinh năm 1984, với mã số BHXH 9106017509 từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Ngoài ra bà Thái Thị T còn có mã số 9103055387 tham gia BHXH từ tháng 4/2003-04/2008 tại Công ty TNHH E, mã số 7512181969 tham gia BHXH từ tháng 3/2012 đến tháng 4/2023 tại Công ty TNHH P. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Thái Thị T, BHXH thành phố D không lưu trữ những hồ sơ này.

Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Thái Thị T, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 361, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán chủ tọa, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung việc lao động: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả phiên họp, căn cứ Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự năm 2005, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc lao động là bà Thái Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Bảo hiểm xã hội thành phố D vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008, người lao động tên Thái Thị T, sinh năm 1984 được Công ty TNHH B tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 9106017509. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH B và bà Thái Thị T phát sinh từ hợp đồng (không rõ ngày tháng). Tuy nhiên, bà Thái Thị T và bà Nguyễn Thị H thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B và thực tế làm việc tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008 theo hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị H chứ không phải bà Thái Thị T do bà H mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà T để đi làm việc. Đối với bà T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH E. Mục đích mượn giấy tờ là để bà H có việc làm chứ không nhằm mục đích gì khác. Trình bày của bà T và bà H phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 4/2003-4/2008 bà Thái Thị T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH E, thực tế có việc đóng trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian này. Xét thấy việc bà H lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002. Do đó việc bà Thái Thị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa bà T (do bà H mượn tên) với Công ty TNHH B là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc lao động: Bà Thái Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị T về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Thái Thị T và Công ty TNHH B (thời gian làm việc từ tháng 02/2006 đến tháng 6/2008) vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Thái Thị T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001275 ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh